TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- H phúc

Bản án số: 81/2019/HS-ST.
Ngày: 25- 9- 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều
Ông Bùi Văn Lao

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2019/TL-HSST ngày 21 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn N, S năm 1967 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 8, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (Đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ và 02 con, lớn S năm 1989, nhỏ S năm 1991; tiền án: Ngày 04/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 31/8/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 195 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 29/5/2019; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến 04/6/2019 được tại ngoại; Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn T, S năm 1974 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M (Đã chết); có vợ đã ly hôn, có 02 con, lớn S năm 2006, nhỏ S năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 194 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 29/5/2019; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 04/6/2019 được tại ngoại; Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị S, S năm 1966; nơi cư trú: Cụm 8, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

Anh Hoàng Đình S, S năm 1974; nơi cư trú: P, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Trần Thị H, S năm 1962; nơi cư trú: Cụm 7, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 ngày 29/5/2019 Trần Văn N điều khiển xe máy nhãn hiệu Piagio Ely màu đen, BKS 30L159171 đi từ nhà đến Cụm 7, xã T khi đến khu vực điếm đê số 06, thuộc Cụm 7, xã T thì N gặp Nguyễn Văn T, S năm 1974; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, tại đây T rủ N góp tiền để mua ma túy sử dụng chung, T đưa cho N 100.000 đồng. Sau đó T đứng đợi còn N đến khu vực đê vỡ thuộc địa phận xã Vân Nam, huyện P, Thành phố Hà Nội mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, sau khi mua được ma túy N đi về gặp T rồi cả hai đi đến đường nội đồng thuộc cụm 7, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội để sử dụng ma túy nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an bắt giữ, thu giữ vật chứng của Trần Văn N 01 gói Heroin, 01 xe máy Piagio Ely biển số 30L5-9171, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số thuê bao 0963699903 và 380.000 đồng. Thu giữ của Nguyễn Văn T 01 xe máy Honda biển số 29Y2-3202, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, số thuê bao 0968580284 và 260.000 đồng.

Ngày 29/5/2019, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 01 gói ma túy thu giữ của Trần Văn N. Tại Kết luận giám định số 3487/KLGĐ-PCO9 ngày 06/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: "Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy trắng có dòng kẻ là ma túy loại Heroin, khối lượng 0,184 gam".

Bản Cáo trạng số 73/CT-VKS-ĐP ngày 19/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Trần Văn N, Nguyễn Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 18 đến 24 tháng tù, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình

sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy còn lại sau giám định; Trả lại cho Trần Văn N số tiền 380.000 đồng, trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 260.000 đồng, trả lại cho chị Trần Thị S 01 xe máy Piagio Ely biển số 30L5-9171, trả lại cho anh Hoàng Đình S 01 xe máy Honda biển số 29Y2-3202. Tich thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số thuê bao 0963699903 thu của N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, số thuê bao 0968580284 thu của Nguyễn Văn T. Các bị cáo chịu án phí hình sự theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án xảy ra trên địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên việc khởi tố, truy tố và xét xử được các cơ quan T hành tố tụng huyện Đ, Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành, nội dung các quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 45 ngày 29/5/2019 Trần Văn N và Nguyễn Văn T gặp nhau tại khu vực điếm gác đê số 6 thuộc Cụm 7 xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tại đây T rủ N góp tiền để mua ma túy sử dụng chung và T đưa cho N 100.000 đồng. N cầm số tiền T đưa rồi đi đến khu vực đê vỡ thuộc địa phận xã Vân Nam, huyện P, Thành phố Hà Nội mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, sau đó N đi về gặp T rồi cả hai đi đến đường nội đồng thuộc cụm 7, xã T để sử dụng ma túy nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an bắt giữ. Hành vi cất giữ trái phép chất ma túy của N và T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người sử dụng. Tệ nạn ma túy là vấn đề nhức nhối của xã hội, đặc biệt là trong tình hình hiện nay, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xét xử Trần Văn N, Nguyễn Văn T mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo N có nhân thân xấu, có 01 tiền án: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 07 năm tù về tội Mua

bán trái phép chất ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N và bị cáo T thành khẩn khai báo nên Hôi đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự .

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Trần Văn N khai mua của người đàn ông không quen biết tại khu vực đê vỡ thuộc địa phận xã Vân Nam, huyện P, Thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu khác nên chưa điều tra làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[5]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số thuê bao 0963699903 thu của Trần Văn N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, số thuê bao 0968580284 thu của Nguyễn Văn T sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy.

Trả lại cho Trần Văn N số tiền 380.000 đồng và trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 260.000 đồng không liên quan đến việc mua bán ma túy.

Đối với 01 xe máy Piagio Ely biển số 30L5-9171 N mượn của chị Trần Thị S và 01 xe máy Honda biển số 29Y2-3202 T mượn của anh Hoàng Đình S. Khi các bị cáo mượn xe, chị S, anh S không biết N, T sử dụng để đi mua ma túy nên sẽ được trả xe lại cho chị Trần Thị S và anh Hoàng Đình S.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Văn N 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời giam tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 04/6/2019.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời giam tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 04/6/2019.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong có chứa ma túy còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2019 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội).

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel số thuê bao 0963699903 thu của N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, số thuê bao 0968580284 thu của Nguyễn Văn T. (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2019 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội).

Trả lại Trần Văn N số tiền 380.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 260.000 đồng. Trả lại chị Trần Thị S 01 xe máy Piagio Ely biển số 30L5-9171.
Trả lại anh Hoàng Đình S 01 xe máy Honda biển số 29Y2-3202 (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2019 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội).

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bán án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Cơ quan THAHS huyện Đ;
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết